

BẢN SAO

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin, tiền thân là Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 426 - QĐ/UB ngày 11/3/1993 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Công ty được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin) theo Quyết định số 06/2004/QĐ - BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ngày 09/1/2004.

Theo Quyết định số 93/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam, Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long được đổi tên thành Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt Nam từ ngày 16/01/2004.

Theo Quyết định số 2464/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cơ khí Đóng tàu - TKV.

Theo Quyết định số 3126/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công thương, Công ty Cơ khí Đóng tàu - TKV được chuyển thành Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin. Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH MTV, đăng ký lần đầu số 5700479764 ngày 30/6/2010.

2. Chủ tịch và Ban Giám đốc

Chủ tịch Công ty và các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Nguyễn Hoàng Dự	Chủ tịch kiêm Giám đốc	
- Ông Ngô Hồng Sơn	Phó Giám đốc	
- Ông Phạm Tiến Hưng	Phó Giám đốc	<i>thời giữ chức kể từ ngày 01/03/2011 (i)</i>
- Ông Nguyễn Hải Long	Phó Giám đốc	<i>thời giữ chức kể từ ngày 16/07/2011 (ii)</i>

(i): Ông Phạm Tiến Hưng thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc từ ngày 01/3/2011 theo Quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ BHXH số 62/QĐ-TCLĐ ngày 18/02/2011 của Giám đốc Công ty.

(ii): Ông Nguyễn Hải Long thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc từ ngày 16/7/2011 theo Quyết định điều động, luân chuyển cán bộ số 1486/QĐ-Vinacomin ngày 04/07/2011 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Khu Công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa các loại tàu thuyền. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào đáng kể làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH BDO Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Ý kiến của Ban giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Ngày 25 tháng 03 năm 2012

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Dụ

Số: 555/2012/BCKT-BDO

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty TNHH MTV Cơ khí đóng tàu - Vinacomin

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Báo cáo tài chính này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.



Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
Chứng chỉ KTV số: 0576/KTV

Nguyễn Quang Hưng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1605/KTV

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN**

Địa chỉ: KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		270.717.751.607	293.539.550.344
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	2.539.250.457	4.228.675.131
Tiền	111		539.250.457	4.228.675.131
Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		183.927.085.906	172.074.712.085
Phải thu khách hàng	131		171.608.079.005	160.237.422.328
Trả trước cho người bán	132		12.082.470.461	1.596.436.953
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.2	236.536.440	10.240.852.804
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140		84.243.715.244	111.564.546.204
Hàng tồn kho	141	5.3	84.243.715.244	111.564.546.204
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.700.000	5.671.616.924
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	5.665.616.924
Tài sản ngắn hạn khác	158		7.700.000	6.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		314.344.609.127	304.564.952.930
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.631.291.892	1.631.291.892
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.631.291.892)	(1.631.291.892)
Tài sản cố định	220		311.442.911.289	298.873.089.868
TSCĐ hữu hình	221	5.4	177.538.148.608	158.594.591.557
- Nguyên giá	222		336.546.366.917	288.858.108.412
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(159.008.218.309)	(130.263.516.855)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.5	133.904.762.681	140.278.498.311
Tài sản dài hạn khác	260		2.901.697.838	5.691.863.062
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	2.901.697.838	5.691.863.062
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		585.062.360.734	598.104.503.274

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
NỢ PHẢI TRẢ	300		534.135.795.360	567.826.970.574
Nợ ngắn hạn	310		242.852.213.023	335.999.517.423
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.7	110.034.359.051	212.264.985.057
Phải trả người bán	312		61.154.281.375	95.015.446.687
Người mua trả tiền trước	313		10.000.000	21.663.000
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	8.811.820.298	203.793.857
Phải trả người lao động	315		3.382.970.467	8.999.189.281
Chi phí phải trả	316	5.9	975.110.926	62.992.615
Phải trả nội bộ	317		14.304.700	169.116.337
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	56.715.325.391	17.227.089.774
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.754.040.815	2.035.240.815
Nợ dài hạn	320		291.283.582.337	231.827.453.151
Vay và nợ dài hạn	334	5.11	290.799.516.626	231.219.978.965
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		484.065.711	607.474.186
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.926.565.374	30.277.532.700
Vốn chủ sở hữu	410	5.12	50.926.565.374	30.277.532.700
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		53.078.819.053	33.078.819.053
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(3.427.249.666)
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		625.963.313	625.963.313
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(2.778.216.992)	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		585.062.360.734	598.104.503.274

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		686.884.584	686.884.584
Ngoại tệ các loại		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 25 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trịnh Thị Bích Ngọc



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN**

Địa chỉ: KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	166.798.860.892
Các khoản giảm trừ	02	6.2	219.502.817
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	166.579.358.075
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	158.665.797.323
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.913.560.752
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	12.526.092.915
Chi phí tài chính	22	6.6	19.674.749.831
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.674.749.831
Chi phí bán hàng	24		545.984.071
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.575.392.456
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.356.472.691)
Thu nhập khác	31		3.061.666.581
Chi phí khác	32		1.483.410.882
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.578.255.699
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.778.216.992)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(2.778.216.992)

Ngày 25 tháng 03 năm 2012

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Trịnh Thị Bích Ngọc



Nguyễn Hoàng Dự

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
Thuế	10	203.793.857	8.917.224.762	309.198.321	8.811.820.298
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	-	8.800.364.600	-	8.800.364.600
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	16	-	-	-	-
Thuế nhà đất	17	-	-	-	-
Tiền thuế đất	18	-	-	-	-
Các khoản thuế khác	19	203.793.857	116.860.162	309.198.321	11.455.698
<i>Thuế môn bài</i>		-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế TNCN</i>		203.793.857	113.860.162	306.198.321	11.455.698
<i>Thuế khác</i>		-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
Các khoản khác	33	-	-	-	-
<i>Thu điều tiết</i>		-	-	-	-
<i>Các khoản nộp phạt</i>		-	-	-	-
<i>Nộp khác</i>		-	-	-	-
Tổng cộng (40 = 10+ 30)	40	203.793.857	8.917.224.762	309.198.321	8.811.820.298

Ngày 25 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trịnh Thị Bích Ngọc

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Dự

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÁU - VINACOMIN**

Địa chỉ: KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD		
Lợi nhuận trước thuế	01	(2.778.216.992)
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao TSCĐ	02	28.744.701.454
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(193.251.798)
Chi phí lãi vay	06	19.674.749.831
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn LD	08	45.447.982.495
Tăng giảm các khoản phải thu	09	(6.188.456.897)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	27.320.830.960
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập)	11	19.656.819.284
Tăng giảm chi phí trả trước	12	2.790.165.224
Tiền lãi vay đã trả	13	(19.118.070.705)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	15.130.446.364
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(6.650.911.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	78.388.805.595
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(41.314.522.875)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.800.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	27.800.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	193.251.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.121.271.077)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	20.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	149.545.097.421
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(206.502.056.613)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(36.956.959.192)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ		
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.228.675.131
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ng.tệ		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.539.250.457

Ngày 25 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trịnh Thị Bích Ngọc

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
CƠ KHÍ ĐỒNG TÁU
VINACOMIN
HÀNG NINH



Nguyễn Hoàng Dự

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin, tiền thân là Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 426 - QĐ/UB ngày 11/3/1993 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Công ty được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin) theo Quyết định số 06/2004/QĐ - BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ngày 09/1/2004.

Theo Quyết định số 93/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam, Xí nghiệp đóng tàu Hạ Long được đổi tên thành Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt Nam bắt đầu từ ngày 16/01/2004.

Theo Quyết định số 2464/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cơ khí Đóng tàu - TKV.

Theo Quyết định số 3126/QĐ-BCT ngày 15/06/2010 của Bộ Công thương, Công ty Cơ khí Đóng tàu - TKV được chuyển thành Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin. Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin, đăng ký lần đầu số 5700479764 ngày 30/6/2010.

Theo đó, ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định bao gồm:

- Đóng mới, sửa chữa các phương tiện vận tải thủy;
- Tư vấn, thiết kế đóng mới, sửa chữa, cải hoán tàu thuyền và các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí
- Vận tải thủy;
- Xếp dỡ hàng hoá;
- Quản lý, khai thác cảng biển, bến thủy nội địa;
- Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tàu biển;
- Cho thuê kho bãi, bến bãi, dịch vụ hàng hoá, ăn uống;
- Các ngành nghề kinh doanh khác được pháp luật cho phép

Những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện hoặc có giấy phép kinh doanh theo quy định.

Vốn điều lệ: 53.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở tại Khu Công nghiệp Cái Lân, phường Cái Lân, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 455 người. Trong đó số nhân viên quản lý là 86 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được phản ánh tại mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán, Đầu năm sau, số dư sẽ được hạch toán ngược lại để xoá số dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu: Giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập
- Công cụ, dụng cụ: Thực tế đích danh
- Sản phẩm dở dang: Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc trên 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (Các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thiết kế của loại tàu biển đa năng 7000 tấn. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ cho 03 tàu khí được đóng mới theo thiết kế này sau khi thống nhất được giá trị phân bổ với chủ đầu tư.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay và các chi phí còn phải trả khác đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty thuộc sở hữu Nhà nước do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trực tiếp quản lý.

Nguồn vốn kinh doanh được thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty bao gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp, nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận hàng năm.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận của hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/09/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

4.11 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; và lãi thu được do khách hàng chậm thanh toán căn cứ trên hợp đồng và biên bản xác nhận với khách hàng.

4.12 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty; và các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.13 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Sản phẩm do Công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo các mức thuế suất sau:

- Cung cấp nước, đóng tàu 7000 DWT ký hợp đồng trước năm 2008, đến thời điểm 31/12/2008 chưa hoàn thành, nghiệm thu bàn giao chịu thuế suất 5%
- Đóng mới tàu ký hợp đồng từ 01/01/2009, sửa chữa tàu, bán vật tư, bán hồ sơ thầu, cung cấp điện chịu thuế suất 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.14 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.3 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2011</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2011</u> <u>(VND)</u>
Nguyên liệu, vật liệu	22.962.786.987	96.121.479.706
Công cụ, dụng cụ	296.814.626	432.098.042
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	60.984.113.631	15.010.968.456
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>84.243.715.244</u>	<u>111.564.546.204</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.4 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	172.080.047.802	77.931.295.318	38.615.693.379	231.071.913	-	288.858.108.412
- Mua trong năm	-	17.173.902.894	-	-	-	17.173.902.894
- Đầu tư XD CB hoàn thành	30.811.758.368	-	-	-	-	30.811.758.368
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Nhận bán giao từ công ty NN	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(77.899.940)	-	(219.502.817)	-	-	(297.402.757)
Số dư cuối năm	202.813.906.230	95.105.198.212	38.396.190.562	231.071.913	-	336.546.366.917
GIÁ TRỊ HAO MÓN						
Số dư đầu năm	65.012.796.229	42.236.985.146	22.810.596.037	203.139.443	-	130.263.516.855
- Khấu hao trong năm	13.065.191.384	10.818.721.966	4.848.922.260	11.865.844	-	28.744.701.454
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Nhận bán giao từ công ty NN	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	78.077.987.613	53.055.707.112	27.659.518.297	215.005.287	-	159.008.218.309
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	107.067.251.573	35.694.310.172	15.805.097.342	27.932.470	-	158.594.591.557
Tại ngày cuối năm	124.735.918.617	42.049.491.100	10.736.672.265	16.066.626	-	177.538.148.608
Trong đó: - Thế chấp, cầm cố						
- Đã KH hết, đang sử dụng	96.594.200	2.132.023.887	1.976.165.986	207.271.913		4.412.055.986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Tổng số chi phí XD CB dở dang	133.904.762.681	140.278.498.311
Đà tàu 15.000 DWT	61.911.287.716	49.099.787.263
Kè và bãi lấp ráp khu vực đà tàu	54.440.051.909	38.369.450.809
Chi phí san lấp mặt bằng chưa phân bổ	5.187.156.552	5.187.156.552
Hệ thống cung cấp điện giai đoạn 2	4.413.686.279	3.715.949.510
Phân xưởng máy	1.937.086.185	305.489.598
Công trình hệ thống thoát nước	-	791.093.782
Hệ thống cấp nước cứu hỏa	-	2.530.540.116
Thiết bị trong trạm khí nén	-	2.709.926.248
Thiết bị cầu trục 10T, 20T	1.101.259.001	1.046.444.392
Mặt bằng triển tàu	-	13.837.376.740
Hào công nghệ	-	2.885.200.006
Thiết bị phân xưởng vỏ	-	16.639.548.972
Cầu tàu 15.000 DWT	507.124.032	475.731.010
Nạo vét khu nước trước bến	98.188.878	98.188.878
Các dự án khác	4.308.922.129	2.586.614.435

5.6 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Chi phí thiết kế tàu biển đa năng 7000DWT	2.901.697.838	5.691.863.062
Cộng	2.901.697.838	5.691.863.062

Công ty đã thực hiện phân bổ vào chi phí trong năm 2011 cho 02 tàu đã hoàn thành bàn giao với giá trị 2.790.165.224 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.7 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vay ngắn hạn	110.034.359.051	156.139.103.481
Vay ngân hàng	(i) 36.344.941.969	69.207.768.628
Vay đối tượng khác	(ii) 73.689.417.082	86.931.334.853
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Thuế tài chính	-	-
Nợ dài hạn khác	(iii) -	-
Cộng	110.034.359.051	156.139.103.481

(iii) Trình bày lại số liệu so sánh do thay đổi tài khoản hạch toán (Nợ dài hạn đến hạn trả của các khoản Vay dài hạn được trình bày trên Chi tiêu Vay dài hạn tại mục 5.11). Cụ thể:

Chi tiêu	BCTC đã kiểm toán (31/12/2010) (VND)	01/01/2011 (VND)
Nợ dài hạn khác	56.125.881.576	-

(i) Số dư tiền vay ngân hàng vào ngày 31/12/2011 bao gồm:

	VND
Vay ngoại tệ	-
Vay VND tại Ngân hàng Công thương Quảng Ninh	(a) 36.344.941.969
Vay VND tại Ngân hàng Ngoại thương Quảng Ninh - Hạ Long	-
Cộng	36.344.941.969

(a) Khoản vay gốc VND với Ngân hàng Công thương Quảng Ninh gồm 01 hợp đồng số 01/2011/HĐTD ngày 22/07/2011 với lãi suất thả nổi và có thời hạn 9 tháng, số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2011 là 36.344.941.969 đồng.

(ii) Số dư tiền vay Tập đoàn vào ngày 31/12/2011 bao gồm:

	VND
Vay ngoại tệ	-
Vay VND	(b) 73.689.417.082
Cộng	73.689.417.082

(b) Khoản vay gốc VND với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam gồm 5 hợp đồng với tổng số dư nợ vay ngày 31/12/2011 là: 73.689.417.082 đồng với lãi suất từ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

0%/năm đến 14%/năm và có thời hạn từ 6 - 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Thuế GTGT	8.800.364.600	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.455.698	203.793.857
Thuế TNDN	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	<u>8.811.820.298</u>	<u>203.793.857</u>

5.9 Chi phí phải trả

	<u>31/12/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Chi phí lãi vay ngân hàng	738.662.269	21.848.789
Trích trước các khoản chi phí khác	236.448.657	41.143.826
Cộng	<u>975.110.926</u>	<u>62.992.615</u>

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Kinh phí công đoàn	12.473.619	-
Thuế TNCN phải trả người lao động	-	5.636.554
Các khoản phải trả phải nộp khác (i)	<u>56.702.851.772</u>	<u>17.221.453.220</u>
Cộng	<u>56.715.325.391</u>	<u>17.227.089.774</u>

(i) Chi tiết các khoản phải trả phải nộp khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	<u>31/12/2011</u> (VND)
Giá trị 3 tàu biển và vật tư thiết bị phụ tùng phải trả công ty tư vấn quản lý dự án - Vinacomin	48.713.085.052
Chi phí bảo hành cầu tàu phải trả công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ ITASCO	1.878.750.000
Chi phí thiết kế tàu và thuê nhà thầu phải trả công ty kho vận và cảng Cẩm Phả	3.425.051.967
Chi phí thiết kế tàu và thuê nhà thầu phải trả công ty CP vận tải thủy	2.557.297.260
Phải trả khác	<u>128.667.493</u>
Cộng	<u>56.702.851.772</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.11 Vay và nợ dài hạn

	<u>31/12/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Vay dài hạn (*)	290.799.516.626	287.345.860.541
Vay NH Công thương Quảng Ninh (i)	126.854.916.733	122.592.909.983
Vay Tập đoàn Công nghiệp Than -KSVN (ii)	163.944.599.893	164.752.950.558
Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả năm sau	38.809.318.736	56.125.881.576
Vay NH Công thương Quảng Ninh	6.534.000.000	12.120.000.000
Vay Tập đoàn Công nghiệp Than -KSVN	32.275.318.736	44.005.881.576
Nợ dài hạn	-	-
Thuê tài chính	-	-
Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	290.799.516.626 (a)	287.345.860.541

(*) Trình bày lại số liệu so sánh do thay đổi tài khoản hạch toán (Nợ dài hạn đến hạn trả của các khoản Vay dài hạn tại mục 5.7 được trình bày trên Chỉ tiêu Vay dài hạn). Cụ thể:

Chỉ tiêu	BCTC đã kiểm toán (31/12/2010) (VND)	01/01/2011 (VND)
Vay NH Công thương Quảng Ninh	110.472.909.983	122.592.909.983
Vay Tập đoàn Công nghiệp Than -KSVN	120.747.068.982	164.752.950.558
(i) <i>Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm 01 hợp đồng số 02/2009/HĐTD ngày 08/05/2009 lãi suất thả nổi và có thời hạn 10 năm, tổng số dư nợ vay ngày 31/12/2011 là: 126.854.916.733 đồng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.</i>		
(ii) <i>Khoản vay dài hạn Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam bao gồm:</i>		
<i>Hợp đồng số 01 HĐ/TKV-CKĐT/TPVND 2/2009 ngày 17/06/2009 với lãi suất 10,4%/năm và có thời hạn 5 năm, số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2011 là 11.686.245.721 đồng.</i>		
<i>Hợp đồng vay số 01 TKV-CKĐT TVN/NIB/2005 ngày 09/08/2005 lãi suất thả nổi và có thời hạn 10 năm, số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2011 là 5.849.373,98 USD, tương đương với 121.830.761.255 đồng.</i>		
<i>Hợp đồng vay số 01 TKV-CKĐT TVN/NIB/2009 ngày 03/11/2009 lãi suất thả nổi và có thời hạn 10 năm, số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2011 là 1.460.898,75 USD, tương đương với 30.427.592.917 đồng.</i>		
(a) <i>Số gốc vay dài hạn đến hạn trả vào ngày 31/12/2011 là 38.809.318.736 đồng</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.12. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Nguồn vốn đầu tư XDCB</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND		VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm trước	44.601.247.163	2.318.824.101	3.090.678.462	625.963.313	(183.834.674)	(16.931.930.673)	33.520.947.692
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	5.409.502.563	-	-	-	-	16.931.930.673	22.341.433.236
Giảm vốn trong năm trước	(16.931.930.673)	-	-	-	-	-	(16.931.930.673)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(2.318.824.101)	(3.090.678.462)	-	(3.243.414.992)	-	(8.652.917.555)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	33.078.819.053	-	-	625.963.313	(3.427.249.666)	-	30.277.532.700
Tăng vốn trong năm nay	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000
Tăng khác	-	-	-	-	3.427.249.666	-	3.427.249.666
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(2.778.216.992)	(2.778.216.992)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	53.078.819.053	-	-	625.963.313	-	(2.778.216.992)	50.926.565.374

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	53.078.819.053	33.078.819.053
Vốn khác	-	-
Cộng	<u>53.078.819.053</u>	<u>33.078.819.053</u>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>31/12/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	33.078.819.053	-
Nhận bản giao từ Công ty Nhà nước	-	44.601.247.163
Vốn góp tăng trong năm	20.000.000.000	5.409.502.563
Vốn góp giảm trong năm	-	16.931.930.673
Vốn góp cuối năm	53.078.819.053	33.078.819.053
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	625.963.313	625.963.313
Cộng	<u>625.963.313</u>	<u>625.963.313</u>

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty, bổ sung vốn điều lệ và chịu sự huy động của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam.
- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được dùng để bù đắp các tổn thất do thiên tai dịch họa và rủi ro trong kinh doanh làm mất vốn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2011</u> <u>(VND)</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	166.798.860.892
Doanh thu cơ khí	166.629.520.714
Doanh thu bán vật tư	169.340.178

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm 2011</u> <u>(VND)</u>
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	219.502.817
Chiết khấu thương mại	-
Giảm giá hàng bán cơ khí	219.502.817

6.3 Doanh thu thuần

	<u>Năm 2011</u> <u>(VND)</u>
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ	166.579.358.075
Doanh thu thuần cơ khí	166.410.017.897
Doanh thu thuần bán vật tư	169.340.178

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	<u>Năm 2011</u> <u>(VND)</u>
Giá vốn cơ khí	158.617.674.399
Giá vốn vật tư cung cấp	48.122.924
Cộng	158.665.797.323

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2011</u> <u>(VND)</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	193.251.798
Lãi thu được do khách hàng chậm thanh toán	12.332.841.117
Cộng	12.526.092.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011 (VND)
Lãi tiền vay	19.674.749.831
Chi phí tài chính khác	-
Cộng	19.674.749.831

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Cộng	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	168.674.689.623
Chi phí nhân công	2.692.458.735
Chi phí khấu hao TSCĐ	28.744.701.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.219.740.070
Chi phí khác bằng tiền	25.538.766.932
Cộng	230.870.356.814

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Chi tiết giao dịch và số dư với các bên có liên quan được thể hiện tại Phụ lục đính kèm.

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2010 và kết thúc vào ngày 31/12/2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam và được phân loại lại, trình bày lại chỉ tiêu Nợ dài hạn đến hạn trả.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN**

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Điều chỉnh hồi tố số dư vào ngày 31/12/2010 đối với khoản mục vay và nợ ngắn hạn, vay và nợ dài hạn.

Khoản mục	31/12/2010 Trước điều chỉnh (VND)	Điều chỉnh (VND)	01/01/2011 Sau điều chỉnh (VND)
Vay và nợ ngắn hạn	212.264.985.057	(56.125.881.576)	156.139.103.481
Vay và nợ dài hạn	231.219.978.965	56.125.881.576	287.345.860.541

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu so sánh do năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2010 và kết thúc vào ngày 31/12/2010 là năm tài chính đầu tiên Công ty hoạt động với tư cách là Công ty TNHH MTV do Nhà nước đầu tư vốn.

Ngày 25 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trịnh Thị Bích Ngọc



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU

Địa chỉ: KCN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HÓA, THAN, DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm 2011

TT	Tên đơn vị bán	Đơn vị tính	Mua trong năm			Tồn cuối năm		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3	4	5	6
1	Công ty Bảo hiểm SHB - Vinacomin				274.788.735			
a	Mua bảo hiểm				274.788.735			
2	Công ty CP vận tải thủy - Vinacomin				496.867.883			
a	Bảo hành				496.867.883			
3	Công ty CP đóng tàu Sông Ninh				1.682.444.794			
a	Dịch vụ				972.302.800			
b	Mua vật tư				710.141.994			
4	Trung tâm Y tế lao động - Vinacomin				31.850.000			
a	Khám bệnh				31.850.000			
5	Công ty TNHH MTV VT-VT và XD - Vinacomin				156.236.619			
a	Vật tư				156.236.619			
6	Tạp chí Than - Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin				1.800.000			
a	Danh bạ điện thoại				1.800.000			
7	Công ty CP đầu tư thương mại và dịch vụ - Vinacomin				51.840.000			
7.1	Xí nghiệp thương mại và dịch vụ Hà Nội				51.840.000			
a	Sữa				51.840.000			
8	Viện cơ khí năng lượng và mô - Vinacomin				6.045.454			
a	Dịch vụ phân tích				6.045.454			
9	Công ty KV và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin				99.274.500			
a	Phế liệu				99.274.500			

TT	Tên đơn vị bán	Đơn vị tính	Số lượng	Mua trong năm		Tồn cuối năm		
				Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3	4	5	6
10	Công ty KV Đá Bạc				2.980.000			
a	Vật tư				2.980.000			
11	Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin				5.155.000			
a	Vật tư				5.155.000			
12	Công ty TNHH MTV TM&DV ITASCO				17.280.000			
a	Sữa				17.280.000			
	Tổng cộng				2.804.127.985			

Ngày 25 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu



Lê Thị Thúy

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Bích Ngọc



Nguyễn Hoàng Dụ

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
 CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HÓA, THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Năm 2011

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị mua	Đơn vị tính	Số lượng	Doanh thu Đơn giá	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá vốn Đơn giá	Giá trị (VND)
A	B	C	1	2	3	4	5	6
1	Công ty TNHH ITV than Khe Châm				1.338.550.000			
a	Bán thanh giằng lập là				1.338.550.000			
2	Công ty CP đầu tư TM và DV - Vinacomin				12.244.545.455			
a	Đóng mới tàu				12.244.545.455			
3	Công ty CP cơ điện Uông Bí - Vinacomin				641.756.000			
a	Bán sắt thép phế liệu				641.756.000			
4	Công ty CP vận tải thủy - Vinacomin				884.516.193			
a	Sửa chữa tàu				363.609.456			
b	Sửa chữa thiết bị				520.906.737			
5	Công ty CP đóng tàu Sông Ninh - TKV				57.709.000			
a	Đóng mới tàu				57.709.000			
6	Công ty tư vấn quản lý dự án - Vinacomin				99.668.257.063			
a	Đóng mới tàu				99.668.257.063			
7	Công ty TNHH MTV H.Tiêu HH - Vinacomin				64.601.475			
a	Sửa chữa thiết bị				64.601.475			
8	Công ty TNHH MTV VTVT và Xếp dỡ				5.099.610.283			
a	Sửa chữa thiết bị				399.888.207			
b	Sửa chữa tàu				4.699.722.076			
9	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả- Vinacomin				15.882.614.910			

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HÓA, THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm 2011

Đơn vị: VND

TT A	Tên đơn vị mua B	Đơn vị tính C	Số lượng 1	Doanh thu Đơn giá 2	Giá trị (VND) 3	Số lượng 4	Giá vốn Đơn giá 5	Giá trị (VND) 6
a	Sửa chữa tàu				14.144.290.000			
b	Đóng mới tàu				1.738.324.910			
10	Công ty TNHH MTV môi trường - Vinacomin				1.475.917			
a	Tiền điện				1.475.917			
11	Công ty tuyển than Hòn Gai - Vinacomin				327.242.120			
a	Sửa chữa thiết bị				327.242.120			
12	Công ty BH SHB - Vinacomin CN Q.Ninh				65.199.477			
a	Sửa chữa tàu				65.199.477			
13	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh (Công ty CN hóa chất mỏ - Vinacomin)				1.767.140.520			
a	Sửa chữa tàu				1.767.140.520			
	Tổng cộng				138.043.218.413			

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thúy

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trịnh Thị Bích Ngọc

Ngày 25 tháng 03 năm 2012



Nguyễn Hoàng Dự

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Vào ngày 31/12/2011

Đơn vị: VND

TT A	Tên đơn vị B	Các khoản công nợ						
		131 1	331 2	138 5	336 9	3112 10	3388 11	3412 12
A	NỢ PHẢI THU							
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	69.663.349.575	-	-	-	-	-	-
1	Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	3.612.980.009						
2	Công ty tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	17.998.318						
3	Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm - Vinacomin	135.850.000						
4	Công ty CP vận tải thủy - TKV	16.425.695.635						
5	Công ty tư vấn quản lý dự án - Vinacomin	47.974.370.682						
6	Công ty TNHH MTV VTVT và Xếp dỡ	1.496.454.931						
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-	-
	CỘNG	69.663.349.575	-	-	-	-	-	-
B	NỢ PHẢI TRẢ							
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN		6.481.136.598	-	14.304.700	73.689.417.082	54.695.434.279	-
1	Công ty tư vấn QLDA đầu tư xây dựng - Vinacomin		1.882.242.937				48.713.085.052	
2	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam				14.304.700	73.689.417.082		
3	Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin		2.802.611.805					
4	Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ ITASCO		19.008.000					
5	Công ty CP đóng tàu Sông Ninh TKV		531.156.193					
6	Công ty công trình thiết bị điện Cẩm Phả - Vinacomin		1.244.137.663					
7	Tạp chí Than - Khoáng sản Việt Nam		1.980.000					

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN**

Địa chỉ: KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Vào ngày 31/12/2011

Đơn vị: VND

TT A	Tên đơn vị B	Các khoản công nợ						
		131 1	331 2	138 5	336 9	3112 10	3388 11	3412 12
8	Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả						3.425.051.967	
9	Công ty Cp Vận tải thủy Vinacomin						2.557.297.260	
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN							163.944.599.893
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam							163.944.599.893
	CỘNG	-	6.481.136.598	-	14.304.700	73.689.417.082	54.695.434.279	163.944.599.893

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thúy

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trịnh Thị Bích Ngọc

Ngày 25 tháng 03 năm 2012



Nguyễn Hoàng Dụ

BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN MUA TRỰC TIẾP TỪ CÁC ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỂ HÌNH THÀNH TSCĐ TẠI ĐƠN VỊ NĂM BÁO CÁO
Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số lượng	Giá mua theo hóa đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao (ngày/tháng/năm)	Thời gian trích khấu hao tài sản (Đơn vị: Năm)	Thời gian khấu hao còn lại tính đến cuối kỳ báo cáo (Đơn vị: Năm)	Sử dụng tài sản cho mục đích (SXKD, quản lý, bán hàng)	Hóa đơn	
										Số hiệu	Ngày tháng
A	TSCĐ, hàng tồn kho, công trình XDCB mua của đơn vị trong nội bộ Tập đoàn đã tăng tài sản để trích khấu hao tính đến cuối kỳ báo cáo										
	Tổng cộng (I + II + III +)										
I	Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin										
II.1	Nhà cửa, vật kiến trúc		1.491.037.346	1.491.037.346	147.878.224						
	Mô hình máy phân xường vỏ	1	1.491.037.346	1.491.037.346	147.878.224	04/01/2011	10	10	SXKD	0160632	16/05/2011
II	Công ty Xây dựng Mỏ - Vinacomin										
II.1	Nhà cửa, vật kiến trúc		644.750.909	791.093.782	40.746.748						
	Hệ thống thoát nước	1	393.992.727	791.093.782	40.746.748	25/03/2011	15	15	SXKD	0270104	02/03/2006
			250.758.182						SXKD	0270176	23/08/2006
B	TSCĐ, hàng tồn kho, công trình XDCB mua của đơn vị trong nội bộ Tập đoàn nhưng chưa tăng tài sản trích khấu hao (do trong quá trình đầu tư, hoặc nguyên nhân khác) tính đến cuối kỳ báo cáo										
	Tổng cộng (I + II + III +)										
I	Công ty tư vấn quản lý dự án - Vinacomin										
II.1	TSCĐ khác		2.438.402.670								
	Tư vấn quản lý Dự án	1	2.438.402.670						SXKD	0062267	27/09/2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Thúy

Lê Thị Thúy

CHỨNG THỰC BẢN BÁO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: 1654-01

Ngày: 16-03-2015



K.T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Ngọc Sơn

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Trịnh Thị Bích Ngọc

Trịnh Thị Bích Ngọc

Ngày 25 tháng 03 năm 2012



GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

MỘT THÀNH VIÊN

CƠ KHÍ ĐÔNG TÁU

VINACOMIN

Nguyễn Hoàng Dụ

